



kingston.com/flash

IRONKEY S1000

Dữ liệu được bảo mật tuyệt đối

IronKey™ S1000 của Kingston đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất để trở thành một ổ bảo mật tối đa. Bảo vệ 100% dữ liệu mật với mã hóa dựa trên phần cứng AES 256 bit, ở chế độ XTS, và xác thực FIPS 140-2 Cấp 3 với quản lý Khóa Mã hóa Chip mã hóa trên thiết bị. Ổ phát hiện và ứng phó với hành động can thiệp vật lý và tự động bảo vệ dữ liệu tháo ổ. Để bạn yên tâm hơn, ổ sử dụng firmware đã được ký số khiến nó trở nên miễn nhiễm với BadUSB. S1000 chấp nhận hai loại cụm mật khẩu: mật khẩu phức tạp hoặc cụm mật khẩu dài tối đa 255 ký tự. Sau mười lần thử mật khẩu không hợp lệ, ổ đĩa sẽ khóa lại và đưa ra các tùy chọn định dạng lại hoặc tiêu hủy.

Phiên bản Cơ bản

Với các mức dung lượng từ 4GB đến 128GB², phiên bản S1000 Cơ bản mang lại hiệu năng nhanh của USB 3.0³ và tính năng bảo mật dựa trên phần cứng được tăng cường mà không phải thỏa hiệp. Đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất về sức chịu đựng và độ bền của quân đội, ổ được chế tạo với khung nhôm được anot hóa và vỏ được bơm epoxy. S1000 có khả năng chống bụi, chống va chạm và chống nước theo tiêu chuẩn MIL-STD-810F.

Phiên bản Doanh nghiệp

Ngoài các tính năng của phiên bản Cơ bản, phiên bản S1000 Doanh nghiệp cũng có tính năng quản trị tập trung việc truy cập và sử dụng ổ đĩa trên hàng ngàn ổ Ironkey doanh nghiệp với giao diện trực tuyến bảo mật, trực quan và dễ dùng¹. Sử dụng giấy phép đã được kích hoạt bằng dịch vụ SafeConsole Management, ổ hoạt động được trên cả các máy chủ đặt trên đám mây và tại doanh nghiệp để thực thi từ xa các chính sách về mật khẩu và quyền truy cập; cho phép người dùng khôi phục mật khẩu đã mất và thậm chí cho phép quản trị viên tận dụng các ổ không còn dùng nữa.

- › **Criptochip trên thiết bị tạo nên tầng bảo mật bằng phần cứng tối thượng**
- › **FIPS 140-2 Cấp độ 3**
- › **Công nghệ bảo mật bằng phần cứng tăng cường; XTS-AES 256-bit**
- › **Bảo mật bằng mật khẩu phức tạp hoặc cụm mật khẩu**
- › **Vỏ chắc chắn an toàn bằng nhôm mạ anot**
- › **Quản lý tập trung quyền truy cập và sử dụng ổ**
- › **Tốc độ cao của USB 3**

ĐẶC TÍNH/TIỆN ÍCH

Bảo mật dữ liệu nổi tiếng khắt khe nhất — Khóa an toàn giúp tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn ngày càng gia tăng, bao gồm Tiêu chuẩn xử lý thông tin Liên bang (FIPS), Đạo luật Gramm-Leach-Bliley (GLBA), Đạo luật về trách nhiệm giải trình và cung cấp bảo hiểm y tế (HIPAA), Đạo luật Công nghệ thông tin y tế cho kinh tế và sức khỏe lâm sàng (HITECH), Ngành thẻ thanh toán (PCI), v.v.

Sức mạnh và độ bền cấp quân sự — Cho một ổ được thiết kế để hoạt động lâu dài.

Dễ dàng quản lý hàng ngàn ổ IronKey — Quản lý tập trung các chính sách truy cập và sử dụng.

128GB dung lượng lưu trữ — Mang theo những tập dữ liệu và tập tin lớn nhất một cách an toàn.

MÃ SẢN PHẨM Ổ SSD BGA

Giao diện

USB 3.0

Dung lượng

4GB, 8GB, 16GB, 32GB, 64GB, 128GB

Tốc độ³

USB 3.0:

4GB-32GB: đọc 180MB/giây, ghi 80Mb/giây

64GB: đọc 230MB/giây, ghi 160MB/giây

128GB: đọc 230MB/giây, ghi 240MB/giây

USB 2.0:

4GB-128GB: đọc 40MB/giây, ghi 35MB/giây

Kích thước

82,3mm x 21,1mm x 9,1mm

Chống nước

tối đa 3 ft; MIL-STD-810F

Nhiệt độ hoạt động

0°C đến 70°C

Nhiệt độ bảo quản

-40°C đến 85°C

Khả năng tương thích

tuân thủ USB 3.0 và tương thích với 2.0

Yêu cầu hệ thống tối thiểu

tuân thủ USB 3.0 và tương thích với 2.0

cần có hai (2) ký tự ổ đĩa rãnh để dùng⁴

dịch vụ quản lý SafeConsole

yêu cầu về giấy phép (chỉ dành cho phiên bản doanh nghiệp)¹

Bảo hành/hỗ trợ

bảo hành 5 năm, hỗ trợ kỹ thuật miễn phí

Phiên bản Cơ bản compatible with

Windows® 10, Windows 8, MacOS (v. 10.12.x - 10.15.x), Linux (Kernel v.4.4.x +)⁵

Mẫu Doanh nghiệp tương thích với

Windows® 10, Windows 8.1, Windows 8, MacOS (v. 10.12.x - 10.15.x), Linux (Kernel v.4.4.x +)⁵



MÃ SẢN PHẨM

Phiên bản Cơ bản	Phiên bản Doanh nghiệp
IKS1000B/4GB	IKS1000E/4GB
IKS1000B/8GB	IKS1000E/8GB
IKS1000B/16GB	IKS1000E/16GB
IKS1000B/32GB	IKS1000E/32GB
IKS1000B/64GB	IKS1000E/64GB
IKS1000B/128GB	IKS1000E/128GB

1. Chỉ dành cho phiên bản Doanh nghiệp. Dịch vụ quản lý SafeConsole của DataLocker, mua riêng.

2. Một phần dung lượng của ổ lưu trữ Flash nếu trên được sử dụng cho định dạng và các chức năng khác và do đó không thể khả dụng để lưu trữ dữ liệu. Do đó, dung lượng thực của thiết bị luôn nhỏ hơn mức công bố trên sản phẩm. Để tìm hiểu thêm, vui lòng xem Hướng dẫn về bộ nhớ Flash của Kingston.

3. Tốc độ có thể thay đổi phụ thuộc vào phần cứng của thiết bị, phần mềm và cách sử dụng.

4. Ký tự ổ đĩa rãnh đầu tiên sau các thiết bị vật lý như phân vùng hệ thống, ổ quang, v.v.

5. **Chỉ hỗ trợ bộ xử lý Intel và AMD i386/x86_64.** Một số bản phát hành Linux sẽ yêu cầu quyền Superuser (root) để thực hiện đúng lệnh DataTraveler trong cửa sổ ứng dụng.

i. S1000 Cơ bản: Hỗ trợ HĐH Linux 32 bit. Trước tiên, ổ đĩa phải được khởi chạy trên một phiên bản Windows hoặc Mac OS được hỗ trợ. Ổ này hỗ trợ một số lệnh Linux sau đây: đăng nhập, đăng xuất và thay đổi mật khẩu.

ii. S1000 Doanh nghiệp – (Quản lý bắt buộc): Hỗ trợ HĐH Linux 32 bit. Phải được khởi chạy trên một phiên bản Windows hoặc MAC OS được hỗ trợ và bị giới hạn trong việc khóa và mở khóa phân vùng dữ liệu được bảo vệ trên HĐH Linux (không có tính năng được quản lý nào hoạt động được trên Linux và nếu Quản trị viên tạo một chính sách yêu cầu ổ đĩa gọi về máy chủ mỗi khi sử dụng, thì tức là ổ đĩa này không dùng được trên Linux. Ổ đĩa không thể giao tiếp với máy chủ khi đang được sử dụng trên Linux).



TÀI LIỆU NÀY CÓ THỂ THAY ĐỔI MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO.

©2021 Kingston Technology Far East Corp. (Asia Headquarters) No. 1-5, Li-Hsin Rd. 1, Science Park, Hsin Chu, Taiwan.

Các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký và các nhãn hiệu thương mại là tài sản của các chủ sở hữu tương ứng. MKD-349.4 VN

Kingston
TECHNOLOGY